

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẾN LÚC  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/DS-ST  
Ngày: 25/3/2025  
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Dương Thị Sáu
- Ông Nguyễn Văn Cao

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Lê Phước Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 598/2024/TLST-DS ngày 20/12/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng TT; Địa chỉ trụ sở chính: Đường N, phường V, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà N- Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà N: Công ty S; Địa chỉ trụ sở chính: Đường N, phường V, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022);

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Công ty S: Ông Kh - Nhân viên Công ty S (theo Giấy ủy quyền số 6043/2024/UQ-TGD ngày 27/8/2024);

**Bị đơn:** Ông T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số A đường Số B khu dân cư Th, Khu phố X, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo Đơn khởi kiện ngày 06/12/2024 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TT (từ đây gọi tắt là Ngân hàng) do người đại diện theo ủy quyền là ông Kh trình bày:*

Ngày 24/10/2022, ông T có ký với Ngân hàng hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, áp dụng lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ bằng thông báo cụ thể của Ngân hàng, trường hợp vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì toàn bộ dư nợ sẽ trở thành nợ gốc và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 15.255.000 đồng nhưng đã không thanh toán nợ đúng hạn cho Ngân hàng theo thứ tự thanh toán tại Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ nên ngày 11/4/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất quá hạn được quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Như vậy, tính đến ngày 25/3/2025 thì ông T còn nợ tổng cộng là 34.632.802 đồng, bao gồm nợ gốc là 17.950.402 đồng, lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng ( $2.6\% \times 150\%$ ) trên nợ gốc thành lãi quá hạn là 16.682.400 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông T, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu buộc ông T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số nợ tạm tính đến ngày 25/3/2025 là 34.632.802 đồng trong đó gồm nợ gốc là 17.950.402 đồng, lãi quá hạn là 16.682.400 đồng. Ông T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/3/2025 cho đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ông T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt, không có văn bản trình bày, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ông T vẫn tiếp tục vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án. Cho nên, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, ông T vắng mặt không rõ lý do, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Toà án nhân dân huyện Bến Lức thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng thẩm quyền. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy việc ký Hợp đồng ngày 24/10/2022 giữa Ngân hàng và ông T là đúng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực và trách nhiệm hành vi dân sự. Hợp đồng thể hiện đầy đủ thông tin của các bên cũng như điều khoản tín dụng và trường hợp vi phạm. Hình thức và nội dung của hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, có hiệu lực thi hành đối với các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay là đã cấp thẻ tín dụng cho bị đơn với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn có quyền thu hồi nợ theo thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông T trả số tiền còn nợ và tiếp tục chịu lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết nên có cơ sở chấp nhận. Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

### **NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán toàn bộ nợ vay phát sinh từ hợp đồng, đồng thời xác định thông tin cư trú của bị đơn trong đơn khởi kiện được nguyên đơn ghi đúng theo địa chỉ mà bị đơn đã tự cung cấp trong Hợp đồng. Cho nên, căn cứ khoản 3 Điều 5, Điều 6 “Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án”, Tòa án xác định bị đơn trong vụ án này có nơi cư trú tại thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An là phù hợp. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về phạm vi xét xử: Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện liên quan đến hợp đồng tín dụng, bị đơn không có yêu cầu phản tố, đồng thời cũng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Tòa án không nhận được bất kỳ tài liệu chứng cứ, ý kiến hay yêu cầu gì của bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án và chỉ xem xét những nội dung theo yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn được quy định tại Điều 5, Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự; những nội dung khác không liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hình thức, nội dung Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng): Hợp đồng được xác lập giữa Ngân hàng và ông T ngày 24/10/2022 trên cơ sở tự nguyện, có nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội, có hình thức phù hợp theo quy định tại các Điều 405, Điều 406 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại mục chữ ký và họ tên của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng có chữ ký “T ” và chữ viết “T ”, ông T không có ý kiến phản đối hoặc không thừa nhận chữ ký và chữ viết này là của mình. Do đó, Hợp đồng tín dụng được xác định là hợp pháp, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thì ông T được cấp thẻ tín dụng có nội dung hợp đồng có thỏa thuận lãi suất, phương thức thanh toán là chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn và hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ, theo thỏa thuận tại Điều 24 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì “...việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ thông báo giao dịch tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng, nếu chủ thẻ có nhiều hơn một thẻ tại Sacombank, việc vi phạm ở một thẻ sẽ tự động được xem là vi phạm ở tất cả các thẻ khác...”. Do đó, có cơ sở xác định giữa Ngân hàng và ông T có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng, hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, ông T đã không thanh toán nợ đúng hạn cho Ngân hàng mặc dù đã được Ngân hàng nhắc nhở nhiều lần. Việc ông T không thanh toán theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 21, 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân, làm cho quyền lợi của Ngân hàng bị xâm phạm. Theo mục 24.4 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì khi có vi phạm xảy ra Ngân hàng được quyền “Tiến hành các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ ... khởi kiện chủ thẻ”, do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ là có căn cứ. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông T có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số nợ tính đến ngày 25/3/2025 là 34.632.802 đồng. Ngoài ra, xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông T tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 26/03/2025 cho đến khi thanh toán xong hết nợ (áp dụng tính lãi theo thỏa thuận tại “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 24/10/2022) là đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng theo quy định.

[2.4] Về quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 các Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 188, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 405, Điều 406, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 3 Điều 5, Điều 6 “Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án”;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TT đối với bị đơn ông T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1 Buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TT số tiền nợ tạm tính đến ngày 25/3/2025 là 34.632.802 đồng (ba mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn tám trăm lẻ hai đồng), trong đó gồm nợ gốc là 17.950.402 đồng (mười bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn bốn trăm lẻ hai đồng), lãi quá hạn là 16.682.400 đồng (mười sáu triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

1.2 Kể từ ngày 26/3/2025, ông T còn phải chịu lãi phát sinh cho Ngân hàng TT theo thỏa thuận tại Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 24/10/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Tổng cộng là 1.731.640 đồng (một triệu bảy trăm ba mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi đồng) do ông T phải chịu toàn bộ.

2.2 Hoàn trả cho Ngân hàng TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 756.000 đồng (bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007290 ngày 19/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

3. Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Thái Thị Thanh Thúy**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên  
tòa**

**Dương Công Danh – Nguyễn Văn Cao**

**Thái Thị Thanh Thúy**





**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên  
tòa**

**Dương Công Danh – Nguyễn Văn Cao**

**Thái Thị Thanh Thúy**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến  
Lức.
- THA huyện Bến Lức.
- Các đương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Thái Thị Thanh Thúy**